

V

PHẦN THỨ NĂM

Cổ tích chung quanh Sài Gòn Chợ Lớn

Trước năm 1954, lăng miếu cổ tích trong Nam được Trường Viễn Đông Bác Cổ giao phó cho quản thủ Pháp của Viện Bảo tàng Sài Gòn chăm nom. Đến năm 1954 thì Pháp giao quyền lại cho Viện Khảo cổ Việt Nam quản thủ. Trào Pháp bơ thờ không lưu tâm nhiều đối với cổ tích trong Nam, chê không cổ như đền Đế Thiên (Cao Miên) lại không thuần túy như các đền chùa ngoài Bắc (Bút Tháp), hoặc ở miền Trung (chùa Thiên Mụ). Khi làm sổ liệt kê vào sách mục lục cổ tích, họ bỏ sót rất nhiều; nay Chính phủ ta chưa đón chỉnh kịp, nên có nhiều người thừa dịp mua rẻ đất thổ mộ, vận động xin được phép cất nhà rồi xin bốc mả cái táng. Nếu Chánh phủ không khéo ngăn ngừa kịp lúc thì chẳng bao lâu nữa, chung quanh Sài Gòn tuy có vẻ phong quang hơn, nhưng các cổ tích sẽ theo lối cuộc vô tình của thợ xây nền nhà mà lui vào dĩ vãng hết. Nhiều lăng mộ có vẻ hùng vĩ, có thể nên để lại làm kiểu mẫu cho khoa kiến trúc lấy đó biết được cách thức bất chỉ phong tô kiểu vở thế kỷ XIX, thế kỷ XX. Không khéo ủng hộ và duy trì kịp thời, thì miền Nam có tiếng là rất nghèo về mỹ thuật và cổ tích, sẽ nghèo nàn về mỹ thuật và cổ tích hơn nữa, một phần lỗi là chưa làm sổ tu chỉnh liệt kê và bảo tồn cổ tích được chu đáo hơn.

Đường Công Lý nói dài, mé tay mặt khi đi từ Sài Gòn lên sân bay, cách đây lối hai mươi lăm năm, có một người ngoại kiều mua một sớ đất trên có một ngôi mộ lâu đời không có ai nhìn nhận cả. Đơn xin bốc mả không ai ngăn trở. Quá hạn kỳ chủ đất thuê người phá mộ. Gặp một mả bằng vàng, một sợi dây đai cũng bằng vàng, nút áo cũng bằng vàng, lược giắt đầu bằng đồi mồi, còn nguyên vẹn, cũng bịt bằng vàng nốt, đem ra cân thử, cân được trên một ký lô vàng ròng (lối 30 lượng). Báo đồn rùm lên, chùng ấy mới thấy một người cháu họ ra mặt, nhờ trạng sư đem vụ ra tòa phân xử. Tòa phú cho tham biện Pháp tỉnh Gia Định điều tra. Ông Dufour là người ngay thẳng, làm phúc trình trả lời. Việc lâu năm tôi không giữ được nguyên bản, nhớ mại mại có câu như vậy:

“Nên lập ủy ban cân kỹ lưỡng các món đã tìm thấy trong mộ. Hãy định theo giá thị trường, đổi ra bạc bằng, ký quỹ vào kho cung thác sở (caisse des dépôts et consignation) chờ lệnh tòa. Nếu người khiếu nại có đủ bằng cứ chứng minh mình là con cháu chất của kẻ bạc phước nằm dưới nấm mồ kia, thì cho y lãnh của ấy về (đã tính ra tiền). Nếu chứng cứ không minh bạch, khi ấy sẽ tùy tòa định đoạt. Dầu chi đi nữa, những trang sức phẩm tìm được, nên ký thác cho Viện Bảo tàng sở tại triển lãm cho bá tánh xem... Vì tánh chất công cộng, nên không tính ra bạc số tiền công làm nên món đồ. Chúng ta, người Pháp, đã mang tiếng nhiều rằng “đến đây với danh hiệu kẻ đi cướp nước”. Không nên vì một lý do gì mà tư vị, ủng hộ bất chánh “một tiểu bối”, “ăn cướp hạng nhì” mượn danh đại Pháp, bóc lột người bản xứ!”

Tiếc thay Viện Bảo tàng không có phần. Các bảo vật ấy về Viện không bao lâu, kể gặp chiến tranh, ông quản phủ Pháp cất kín các vật trong một tủ sắt kiên cố, chở tủ ấy xuống gởi tại tòa hành chánh tỉnh Long Xuyên, tưởng vậy là chắc, không dè đến năm đảo chính 1945, một nhóm người xâm đoạt luôn cả tủ cả bảo vật, Viện Bảo tàng mất hết không còn món nào.

Đây là một vụ thứ hai về phá mộ xưa: Hôm ấy nhằm mười sáu tháng mười một năm 1953. Nhon danh đại diện quản thủ Pháp Viện Bảo tàng Sài Gòn, tôi đến làng Hòa Hưng, vào một ngõ trong hẻm chi nhánh đường Lê Văn Duyệt (Cách Mạng Tháng Tám) coi cho người ta bốc một ngôi mả vô vi vô thừa nhận, để đất trống cho tân nghiệp chủ tiện xây cất nhà cửa. Mộ này đã bị phá từ mấy ngày trước chỉ chứa cái hòm chưa cạy nắp, những chi tiết quan trọng, mộ bia, liễn đối đều không còn, nên không làm sao rõ được chức phận, phẩm tước của người quá cố. Duy thấy chiếc quan tài bằng cây huỳnh đàn mà đoán địa vị người ấy khi xưa ắt cũng lớn lắm, giàu lắm. Gỗ trai, huỳnh đàn, người mình thích đóng hòm cũng phải. Cử bằng chứng nơi chiếc quạt tre phất giấy dầu trong tay người chết, quạt còn xòe được như mới, chữ còn sắc sảo vì viết bằng một chất phấn kim phi sáng sáng như chì rõ ràng đề “Gia Khánh đệ... niên” (1) thì đoán hòm chôn đã được trộm trèm một trăm năm mươi năm rồi. Thệt rã nát thành

(1) Gia Khánh Hoàng đế vua Mãn Thanh, trị vì xứ Trung Hoa từ năm 1796 đến năm 1820. Người chết đem theo quạt “Gia Khánh”, lấy đó mà suy cứu định cho những năm này, còn chưa ngã ngũ, niên hiệu “Gia Long” chưa được nhìn nhận chánh thức. Mà nếu vậy tại sao không dùng niên hiệu “Cảnh Hưng” đời Lê, khó hiểu vậy thay?

đất đen. Xương còn nguyên nhưng thâm xỉ, nhưng lạ thay, trên trán còn rõ ràng một miếng da người thấy lỗ chun lông nhầy nhầy nhìn còn được, cạnh gò má xương màu đỏ đỏ như nhuộm máu, buột miệng anh còn lại hôm ấy thốt ra một câu tôi nhớ mãi: "Accident d'auto". Quên nói hôm ấy có một ông bác sĩ và một phó cảnh sát trưởng đến chứng kiến với tôi vụ cái táng này. Và trong ý anh còn lại, vì chưa thấy chiếc quạt "Gia Khánh" nên định ninh thầy ma nằm đó chắc của một người mới chết gần đây về nạn xe cộ, ô tô hút mà thôi! Mà lạ thật! Những cái gì ta cho trường cửu, thì trở nên tro bụi: vàng xỉ, nút áo bạc, mấy nút bằng pha ly biến thành chai (verre). Trái lại, những vật ta cho rằng mau mục, mau tan rã lại còn rành rành như mới: vỏ cau ăn trầu, chiếc chiếu lót dưới người chết còn đủ màu nhuộm ô xanh ô đỏ, thậm chí giấy tiền vàng bạc còn phân biệt để nguyên xấp, bên vàng bên bạc rành rành, không hư; trong tay, như đã nói, cầm chiếc quạt "Gia Khánh" gói trong vuông khăn nhiễu điều, cây quạt này xòe được lúc trong hòm lấy ra, đến cái chốt xỏ nan quạt cũng chẳng hề hấn gì (duy sau này cất để đến nay, giấy quạt khô trở nên giòn khướu không mở ra được nữa). Trên bụng còn một gói, giở ra là trầu, thuốc xỉa (thành tro bụi), cau ăn, xác còn cứng chắc, một ống bạc đựng vôi đã ten rỉ, cả các món đựng trong một dây trầu bằng gấm có thêu kim tuyến rành rành, một khăn đỏ khác gói hai cây viết lông, quăn bút bằng trúc mới tinh, ngòi bút bằng lông mềm mại, khi lấy trong hòm ra, ước chừng lấy chấm mực viết thử được như chơi, nhưng ra gió giây lát sau thì lông bút rớt ra khỏi quăn. Ngay chỗ háng, giữa xương hai đùi, có một chùm

lông rõ rệt. Râu đen, tóc dài, đều còn, nhưng sao râu lại nhét vào mồm, không để tự nhiên dài che cổ, ngực? Phong tục này xin hỏi các bậc lão thành. Răng nhuộm đen, chứng tỏ người chết là người Việt gốc gác không miền Bắc thì miền Trung, đầu chít khăn quấn tay, áo mặc nhiều lớp chồng lên nhau, vẫn còn nguyên vẫn xé nghe tèn tẹt. Chiếc lược đôi môi còn chưa mọc, và hai món này: khăn, lược, chứng cho ta biết người quá vắng không có phẩm tước triều đình (nên không đội mũ). Dầu chi cũng là một người phong lưu khá giả, nên có đem theo bút lông, cây xỉa răng bạc, cây móc tai dát vàng, hà bao đựng thuốc xỉa, thuốc hút, dây đựng trầu ăn. Ô hô! Giàu sang một đời, nằm xuống đất nay đã gần một trăm năm mươi năm, thế mà chưa được yên thân! Cháu con lâu đời ắt đã lui về quê cũ Bắc hoặc Trung, còn sót những đứa ở lại đây, một nắm xương tàn đối với chúng sao trọng bằng tiền bạc, nên chúng đã ký tên bán đất, phú cho phu phá mỏ đào cốt, cải táng về đâu mặc kệ. Ván hòm cứng thật. Ngoài da móc móc, đất ăn xầy xầy, tường bở. Chạm sâu một phân tay, cứng rắn vô cùng. Thậm chí, cái máy khoan điện, thuở nay nào biết kiêng nể thứ gì, sức bực sắt đá nó còn nhai như bánh bột thế mà máy khoan đâm không thủng nắp hòm! Khoét được lỗ nào chỉ dứt sâu lỗ đó, chung quanh vẫn y nguyên. Khoan cả mấy giờ không xuể đâu vào đâu, phu phá mỏ xỏ chữ nho nghe mà mệt! Thét rồi, chúng chạy về lấy búa thầu và đục thép cỡ lớn ra nói chuyện với huỳnh đàn! Nghĩ mà tội cho người nằm đó! Sấm hòm cây danh mộc tưởng đủ chịu đựng với thời gian, không dè kẻ thù ngày nay là đứa cháu bất hiếu, với tên võ phu tay

cầm búa thầu đục thép. Không một tiếng nào bạc ê a, không một câu kinh an ủi. Nằm trơ đó mà chờ người ta mỗ búa lớn vào nắp vào đầu. Nhà chức trách cũng bất lực, vô phương cứu cấp, mục kiến cho đám phu phá mỗ đang thần lực nện búa thần vào đầu đục: búa nào búa này nhoáng lửa như búa thiên lôi. Hòm mở toanh ra, chúng hốt lấy hốt để, từ hòm quỳnh đằng chuyển cốt qua một cái quách nhỏ bằng cây tạp dầu: Chiếc hòm quý huỳnh đằng mới lâu lâu phu phá mỗ thừa hưởng, bán manh bán mủm cho phường dị đoan đem về làm ghế xây, bàn cầu cơ. Quách dầu, vài đứa đem vùi một chỗ vô danh, chờ ngày không mục nát tự nhiên, thì đến độ đúng năm cải táng nhường chỗ cho lớp khác. Chung quy có mớ đồ vật ký thác Viện Bảo tàng còn lưu lại hậu thế, kỳ dư trở về tro bụi. Nếu Chánh phủ không sớm thảo điều lệ bảo vệ các cổ tích, lăng cũ, mộ xưa, cấm mua bán đất thổ mộ, liệt kê các ngôi mả bằng ô dước, vôi đá tại Việt Nam thì chẳng bao lâu nữa chung quanh Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn, không còn sót lại một cái nào khỏi bị lưỡi cuốc phu phá mỗ đưa về dĩ vãng. Ngày trước đất rộng, dân gian tín ngưỡng, sợ chùa, miếu, mộ phần. Ngày nay, đất chật, sự tin tưởng thần thánh, quỷ ma đã bớt, nhứt là những đất có chôn mả thường bán rẻ tiền, miếng nào sót trong đô thành không chầy thì kíp cũng có người mua, dời mộ xây cất dinh thự, lâu đài, ít lâu người cổ cựu cũng không làm sao nhớ nổi.

Đại lược các cổ tích còn sót lại và ngày nay còn thấy là:

- Lăng Thượng Công Lê Văn Duyệt, tại chợ Bà Chiểu,

trước tòa hành chánh sở tại. Tả quân từ trần năm 1832. Năm 1835, mộ bị san bằng phẳng, núp mộ bị xiềng lòi tới sát. Năm năm 1848, vua Tự Đức tha tội, truyền xây lại như cũ. Năm 1868, Tả quân được truy phục “Vọng các công thần, chuởng Tả quân Bình Tây Tướng quân Quận Công” và được vào “Miếu Trung Hưng Công Thần”.

- Lăng Phò mã Hậu quân Võ Tánh, mộ chánh tại Bình Định, đây là mộ chôn hình nhơn bằng sáp, vì người tự thiêu trên giàn hỏa, không còn thấy thi. Mất năm Tân Dậu, ngày hai mươi bảy tháng năm, năm 1801. Lăng nằm trong vùng đất quân sự, vào cửa phải xin phép trước. Xưa tuy không vẻ nguy nga, nhưng trang nghiêm. Nay tiêu điều lạnh lẽo. Trước năm 1942, còn sót bốn cây đại thọ đứng tứ trụ bốn góc lăng, là bốn cây thông do đức Gia Long sắc chỉ dạy trồng. Mỗi cây lớn ôm cả ôm, da trổ da quy nứt lục lăng rất ngộ. Binh nhựt chiếm Sài Gòn, đục thông lấy tòng hương, làm chết khô bốn cổ thụ này nay sót một góc khô đứng sừng sững, cảnh tang thương làm thêm đau lòng người hiếu cổ.

- Lăng Long Vân hầu Trương Tấn Bửu, đường Trương Tấn Bửu, (nay là Trần Huy Liệu, Phú Nhuận). Mất năm Minh Mạng thứ 8, ngày hai tháng tám, năm 1827. Vì người quản thủ không óc thẩm mỹ, sửa chữa miếu kiểu ngoại lai, mộ phần trét xi măng, sơn vôi lố lăng xốn mắt.

- Lăng Bình Giang Bá Võ Di Nguy, tại Phú Nhuận, trong hẻm một con đường mang tên của ông, nhưng con cháu đã bán đất chung quanh lăng, còn chừa nội phần mộ, kề bên có một chuồng heo dơ bẩn, và một ngôi miếu thờ

không đáng danh là miếu thờ. Đất là đất của vua, con cháu công thần ăn hoa lợi. Nay trở nên đất của nhà nước. Tại sao ban quản thủ không xin thủ tiêu tờ mua bán đất bất hợp pháp (1)? (Bình Giang Quận công tử trận tại Thị Nại năm 1801).

- Lãng Bá Đa Lộc (Évêque d'Adran), thường gọi "Lãng Cha Cả", ở Tân Sơn Nhứt, đường lên sân bay. Mất năm 1799. Chôn vào đêm. Đám tang nửa theo phép đạo Thiên Chúa, nửa theo lễ tục Nam, tế trọng thể, bài ai điếu viết trên lụa vàng, nay còn để dành tại họ Sài Gòn.

- Sau Lãng Cha Cả là mộ phần chung các vị mục sư kế tiếp mất tại đây. Trong số, có mộ Cha R.P. Liot, là bí thư của Đức linh mục d'Adran.

- Lãng Lê Văn Phong, sanh tiền tặng "ông Tả Dinh" là em của Lê Tả quân. Mất trước Tả quân, nên mộ phần kiên cố, hùng vĩ, bởi do Tả quân đứng trông nom xây cất. Chúng tôi mới tìm được trước ở trong hoa viên nhà ông quản lý Đông Pháp Ngân hàng, sau vì đổi chủ nên mất tích. Bây giờ lọt vào đất quân sự muốn vào xem phải xin phép. Trước ở về phía hữu đường Mac Mahon nối dài. Nay ở về phía hữu đường Ngô Đình Khôi, khuất trong xa, phải cố tìm mới ra mới.

- Lãng Nguyễn Văn Học, trước kia Pháp gọi "tombeau du Maréchal Nguyễn Văn Học". Nay truy ra không có công thần nào triều Nguyễn có tên họ như vậy. Có chăng là

(1) Về sau nhờ khéo điều đình, hội Phú Trung mua lại phần đất có ngôi mộ và đền thờ, diện tích 709m² (tờ đoạn mãi lập ngày 26-9-1953, Me Béranger)

ông Trần Văn Học, tác giả bức địa đồ tỉnh Gia Định họa năm 1815? Ngày trước ngôi mộ Nguyễn Văn Học ở chỗ khác, chủ đất xin dời, nên tham biện sai gỡ ra từng khối nguyên đem về ráp lại trong hoa viên gần tòa hành chánh như hiện nay ta thấy. Năm cải táng 1939, lấy được đồ trang phẩm bằng vàng, mào, đai của bậc nhứt phẩm đại thần, về sau ông quản thủ Pháp dời giấu ở Long Xuyên bị cướp đoạt chung một số kiếp với những đồ vàng đào được tại đường Công Lý đã nói nơi đoạn trước.

- Lăng quý tộc họ Hồ, hoàng thái hậu, vợ vua Minh Mạng, mẹ vua Thiệu Trị, tại làng Linh Chiểu Tây (Thủ Đức). Lăng này còn tốt, tuy có vẻ điêu hiu. Trong sử ngày xưa vua Tự Đức sai ông Phan Thanh Giản sang Pháp nói chuyện đem tiền chuộc đất ba tỉnh Miền Đông cũng vì những ngôi mộ này một phần nào.

- Lăng ông Nhiều Lộc, cách kiến trúc khác hơn các lăng đã thấy, hình vuông vắn như ngôi nhà vững chắc. Lăng này trước kia Trương Viễn Đông Bác Cổ chưa liệt kê, may thời nay lọt trong sổ nhà đất thuộc sân bay Tân Sơn Nhứt, tại đường Chi Lăng, giữa khoảng Võ Di Nguy và Ngô Đình Khôi. Một ngôi mộ xưa nhỏ hơn mộ Nhiều Lộc, vì ở gie ra ngoài đường Chi Lăng, nên đã bị phá cách đây vài tháng nay, không biết khi cải táng có gặp món gì có giá trị về cổ tích chăng, vì lúc sau này, Ty Vệ sinh Đô thành, mỗi khi có cải táng, không như trước, mời đại diện Viện Khảo cổ tham dự.

- Đất mộ phần dòng họ Trương Minh, tại Gò Vấp, đến đây hỏi thăm, nhiều người biết. Phủ thờ cũ kỹ, kèo

trính mối leo cả dây. Đặc biệt nơi đây còn giữ được trên trăm bài vị tiên nơn trong dòng họ. Còn sót vài món từ khí; bàn thờ, hoành phi, liễn đối nguyên xưa của nhà ông Thế Tả Trương Minh Ký, một học giả đồng thời ông Sĩ Tả Trương Vĩnh Ký. Mồ mả có cái xưa nhất là mộ ông bà của Trương Minh Giảng chỉ đến mộ ông Trương Minh Giảng thì xây bằng vôi trộn ô dước theo kiểu thế kỷ XIX, có riêng một ngôi mộ nùm tròn kiểu khác lạ chưa từng thấy, đến như ngôi mộ của ông Trương Minh Ký mất lối đầu thế kỷ XX, thì đã “lai tây”, có nóc bắt bông thạch cao kiểu bắt chước các mả mồ đạo Thiên Chúa, xuống một bậc nữa, đến cháu con ông Thế Tả thì có cái hản ngã về đạo Thiên Chúa, đầu nùm đất cũng khắc mộ bia Việt ngữ, tên họ kèm theo tên Thánh (Joseph, Julie) thêm đặt ảnh chụp lộng kiếng chơn dung người quá vãng. Đi xem đất phân mộ họ Trương Minh, biết được kiểu mồ mả ba thế hệ: thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, và thế kỷ XX.

Chùa chiến

Về cổ tích trong Nam, các chùa chiến chiếm một địa vị khá quan trọng. Xét ra người Miên thuở giờ có tục hỏa táng nên mồ mả cổ tích Miên trên đất Sài Gòn không thấy cái nào. Nhưng chùa Miên xưa chỉ sót lại mấy cái nền đất dùng qua việc khác. Đường Trương Minh Giảng nay có dựng một ngôi chùa thì vẫn mới quá, chưa đáng liệt kê vào sổ cổ tích. Chỉ có người Việt, người Tàu, đồng văn hóa, đồng tín ngưỡng, cho nên khi đi đến đâu xứ lạ đất mới thường ưa đậu tiền đậu vốn hùn nhau lập chùa miếu cùng chung thờ phượng (không kể các chùa đặc tính

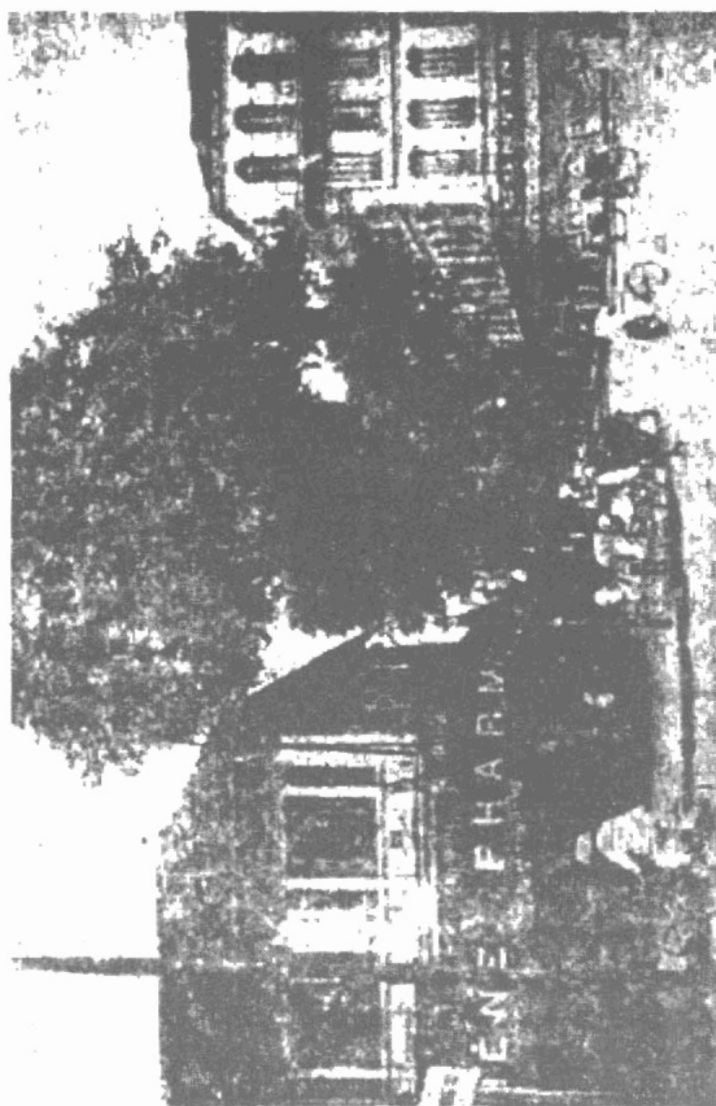
của mỗi dân tộc hoặc các am, thất nhỏ, riêng biệt của vài phái, nhóm địa phương). Nay điều tra kỹ thì chưa có cái nào có trước năm 1698, tức đều sau cuộc Nam tiến mà thôi.

Theo chúng tôi được biết, thì có ba chùa sau đây đáng gọi tiêu biểu cho ba tín ngưỡng:

- Một ngôi chùa thờ Phật, cổ nhất trong vùng là chùa Giác Lâm, do người Minh Hương, Lý Thoại Long, quyền tiền xây năm Giáp Tý (1744), nay vẫn còn nghiêm túc vững chắc ở trên Phú Thọ.

- Một ngôi chùa khác, liên hệ rất nhiều đến lịch sử là chùa Minh Hương Gia Thạnh, lập năm Kỷ Dậu (1789) do di thần Minh mật và con cháu Minh Hương, dựng trong Chợ Lớn (Sài Gòn thời đó), để di dưỡng tinh thần yêu cố quốc mến quê hương, chùa này đến nay khói hương không dứt, được tiếng khéo tu bổ, khéo săn sóc nhất trong vùng.

Hình XIV



Quang cảnh đường Catinat (Đồng Khởi) trước nhà hàng Pháp "Continental" vài
mươi năm trước năm đảo chính 1945 chốn đô hội thể hệ Tây.

- Còn một ngôi chùa thứ ba của phái Nho học, quan trọng không nhỏ đối với lịch sử đất Sài Gòn, tiêu biểu cho lòng trung can ái quốc, tạo lập từ ngày người Minh dựng nên Phố Đề Ngạn. Qua năm Canh Thìn (1820), chùa được xây cất lại mới và trải bao biến cố, còn sừng sững lâu lâu như ngày nay ta thấy, đó là Thất phủ Quan Võ Miếu. Nay xét kỹ lại mới rõ đây là cổ tích gần như duy nhất để chỉ trung tâm điểm của phố Sài Gòn của người Tàu ngày xưa.

Nếu có thể ví ông bà ta xưa vào lối cuối thế kỷ XVIII và ngót hơn một thế kỷ tiếp đó ngày tư ngày Tết, hãnh diện nhứt là được lê gót giày *mạ mị* (đế kết bằng lông đuôi ngựa), dạo phố Quảng Tống Cái (Quảng Đông Nhai hay rue de Canton), qua đời chú bác ta lại thích chiều chiều thả xích phê (1) đường Catinat, giày “ăn phón” (*fabriqué en France*) nên vừa đường nghe cộp cộp, qua đàn em ta và ta ngày nay lại ghiền thú chen lấn nhộn nhịp nam thanh nữ tú Chợ Bến Thành, rõ ràng trải qua ba thời đại, Sài Gòn ở ba điểm khác nhau, và phố Triệu Quang Phục ngày nay, bắt từ chùa Quan Đế chạy dài tận mé sông, quả là địa điểm *đất cổ Sài Gòn*, rất đáng được liệt kê vào sổ cổ tích và nên ủng hộ cho đến kỳ cùng, không nên vì lý do nào, cho phép vỡ phá sửa đổi xây cất lại mới, làm mất dấu vết “lịch sử” của nó. Trong các cổ tích thuộc đường Triệu Quang Phục, đáng để ý nhứt là Thất phủ Quan Võ Miếu, như đã nói, trong chùa có lên cột tượng thờ Đức Quan Công, thái tử Quan Bình, và kẻ bề

(1) Đì xích phê: đi thơi thới, khoan thai (Đại Nam quốc âm tự vị).



*Quang cảnh Chợ Bến Thành vài chục năm trước năm
1945 chỗ đó hội thể hệ hiện tại*

tôi trung tín là Châu Thương cùng ngựa Xích Thố. Vía đức Quan Đế vào ngày mười ba tháng Giêng âm lịch. Khảo ra, chùa có trước thế kỷ thứ XIX, nhưng đến năm 1819-1820 mới xây cất kiên cố cho đến ngày nay, tuy bị bỏ bê, nhưng vẫn còn vững chắc và hùng vĩ lắm. Nếu nói chùa lâm vào cảnh nhang tàn khói lạnh thì quá đáng, nhưng nên trách ban quản trị hiện thời vì quá ham lợi và quá xu mị phe duy vật, đành dùng sân bên hông chùa xây cất phố lâu cho mướn, tuy có thêm huê lợi nhưng mất sự tinh khiết chung quanh chỗ thờ phượng, lại cho phép trước mặt tiền, chùa xây dựng một rạp ciné, ngày ngày diễn tuồng cụp lạc dâm ô, đàng điếm, thậm chí trong chùa, giữa chánh điện, lại phân chia phòng nhỏ phòng lớn, lớp dạy học, chỗ bày ghế bố làm nơi ăn ngủ của bọn bán xam bán nhang đèn, xúc phạm đến thể là cùng, người có Nho phong lễ giáo đến đây không khỏi động lòng trắc ẩn. Đã biết ở đâu cũng có tiểu nơn, quân tử, cũng không nên cố chấp làm gì, nhưng không nói nó làm sao ấy! (Ngày mồng năm tháng sáu d.l mới đây, chúng tôi có dịp trở lại viếng chùa, thấy còn thương tâm hơn nữa. Người ta đương khiên cây ván bày bừa bãi trước chánh điện, các lớp dạy học và những phòng tụ hội của ủy ban này nọ đã lấn sát bàn thờ, đức Quan Đế chỉ còn một chỗ ngồi hết sức chật hẹp, tượng cốt thì lột măng bào mũ miện ra, định chừng muốn tô lại mới; nhưng nếu đã hết tin tưởng thì thà để vậy có phần cổ kính hơn, một bài minh đề “Đạo quang đệ thất niên” (1827), kể lại công đức Quan Đế khắc trên gỗ mạ vàng tuyệt mỹ thì bỏ ra ngoài sân dựa vách, mặc dầu mưa gió, mặc dầu mục hư, thậm nào nhứt là mấy tấm cổ bia đá khắc danh sách các nhà từ thiện xưa đã hỷ cúng bao

nhiều vào công cuộc xây dựng chùa, trong số bia ân nhơn ấy Tả quân Lê Văn Duyệt, cúng hai trăm quan tiền thời đó (năm 1819) và một bia đá khắc kể rõ bảy phủ là những phủ nào, toàn là bia cổ tích, liên quan nhiều đến lịch sử Sài Gòn, những bia ấy cũng không tránh khỏi sự phá hoại vô lý, tấm thì bị trét hồ, tấm thì lại bôi vôi hoặc mất chữ hoặc lem luốc chữ không đọc được. Thiết tưởng đốt nát thì còn tha thứ, nhưng nếu đó là sự cố ý xúc phạm của người hữu học, thì đến thế là cùng! Một dân tộc có tiếng là văn minh, nếu muốn được người khác tôn trọng, thì phải biết trọng mình và tôn kính những cốt tượng thần Phật của mình thờ phượng xưa nay với chớ! Đây là một câu hỏi của người bấy lâu hằng lấy gương Quan Đế làm mực thước xử thế, xin gởi với bao lễ kính và chí thành lên các bậc đàn anh Trung Hoa, nếu có dịp nào đọc bài này, vui lòng cho biết tôn ý để học hỏi thêm. Hỏi: Vì sao cũng xưa các người Tàu dạy khắp nơi thờ cúng Quan Võ Đế rồi ngày nay cũng người Tàu làm gương nguội lạnh đến thế này? Nếu các ông không có tín ngưỡng nữa thì xin giao lại ngôi chùa cho chúng tôi gìn giữ làm cổ tích như thế còn có nghĩa hơn.

- Cách chùa Quan Đế một tấm vách, có chùa “Tam Hội Miếu” thờ bà Chúa Thai Sanh, coi về sinh đẻ. Nơi đây những đàn bà hiếm con thường đến cầu nguyện về đường tử tức. Chùa lập năm 1839 gọi tắt là “Phò miếu” (miếu bà). Tương truyền trong chùa có thờ một bài vị một vị Phò mã, con trai ông Trịnh Hoài Đức.

- Ở xúm xít góc Triệu Quang Phục và Nguyễn Trãi

có đến ba chùa, còn cái thứ ba, cũng gọi “Phò miếu” hoặc “Chùa Bà” nhưng đây thờ bà Thiên Hậu Thánh Mẫu. Đây là một ngôi chùa có tiếng là xưa nhứt, giàu nhứt, khéo nhứt và cũng giỏi bảo tồn nhứt trong vùng. Vía bà là ngày hai mươi ba tháng ba âm lịch, nhưng chùa vào lễ vào ngày mười tám đến ngày hai mươi ba mới dứt, và người dân chất phác xứ Chợ Lớn vẫn đinh ninh là khi nào lễ cúng Bà xong thì khi ấy mới bắt đầu có mưa đầu mùa. Chùa này trên nóc có gắn sành rất khéo, tả lại cuộc vui đời xưa. Hai bên chùa, từ năm 1825-1830, đã có trụ sở bang Quảng Đông, nhưng ngày nay ta thấy hai tòa lầu kiên cố, một bên là trường học, một bên là trụ sở liên lạc của người bang Quảng Đông, lấy hiệu là “Huệ Thành Hội quán”.

Nay truy ra mới biết xóm ba Chùa này đích thị là trung tâm của xóm *Đề Ngạn* và *nơi xưa kia trong sách gọi Sài Gòn thị chính là nơi đây*: “Cách huyện Bình Dương mười hai dặm, ở phía tả và phía hữu đường quan lộ. Nơi chợ có đường thông ra tứ phía đi liền lạc như hình chữ “điền”, nhà cửa phố xá liên tiếp thêm mái cùng nhau, người Hán người Thổ ở chung lộn dãi độ ba dặm, đủ cả hàng hóa trăm thức, ở bên sông Nam và Bắc không thiếu món gì, đầu phía Bắc đường lớn có đền Quan Công, quán Tam Hội, xây cất đối nhau phía tả và phía hữu. Phía Tây đường lớn có chùa Thiên Hậu, ghé Tây có Ôn Lăng Hội quán. Đầu phía Nam đường lớn về hướng Tây có Chương Châu Hội quán (của Bang Phúc Kiến). Phàm gặp giai tiết lương thần và ngày tam nguyên, sóc vọng thì treo đèn đặt án để đấu xảo, ánh sáng rực rỡ hình như cây lửa cầu sao vậy, lại đánh trống thổi kèn huyền não, con trai con gái

kéo đến tấp nập, thành một thị phố đô hội náo nhiệt.

“Trong một đường lớn có giếng xưa nước ngọt bốn mùa đầy luôn không kiệt. Đường ngang có khe nhỏ gác cầu ván lớn, hai bên phố ngói cất dăng ở trên, treo giăng màn trướng để che mặt trời, đi trên đường mát mẻ như đi dưới mái nhà cao lớn vậy. Phía Đông đường lớn có chợ Bình An, có đủ những thổ sản quý báu ở núi ở biển và ở thôn dã, ban đêm cũng thắp đèn mua bán. Ngày nay đã thưa thớt không bằng như xưa”.

(Đại Nam nhất thống chí, Lục Tỉnh Nam Việt, bản dịch Nguyễn Tào, tập 2 trrương 74).

Căn cứ theo tài liệu trên thì quả trung tâm điểm của thị trấn xưa kia gọi “Đề Ngạn”, tức là phố Sài Gòn của người Tàu đời xưa, đích thị là ở ngay nơi xóm Ba Chùa này rồi. Bằng cứ là những chùa này còn giữ y chỗ cũ, mặc dầu ngày nay trung tâm chỗ buôn bán đã dời qua địa điểm khác đồ sộ, có cái lâu đời có đến hơn trăm năm rồi.

Xét ra người Tàu thuở đầu qua đây, lúc ấy chưa có thuốc trị bệnh hiệu nghiệm như ngày nay, nên họ tin nhiều ở sự phù hộ của thần thánh, đâu đâu đều có miếu thờ đức Quan Đế và bà Thiên Hậu. Về Chùa Bà, có một ngôi chùa rất xưa nữa ở góc đường Lê Văn Duyệt và Hồng Thập Tự. Nay thấy nền chùa thấp lè đé dưới vỉa đường mà đoán chừng chùa này tạo lập sát xưa, lúc ấy đô thành còn ầm thấp chưa cao ráo như ngày nay.

- Một chùa bà Thiên Hậu nữa thì ở tại mé sông Chợ Cầu Ông Lãnh. Xưa người Tàu kinh nhau lập chùa miếu,

mỗi bang mỗi có chùa riêng. Và nghe đâu chùa Bà Chợ Cầu Ông Lãnh là của nhóm người Phước Kiến.

Sau đây là sự tích bà Mi Châu, thuộc Bồ Dương (Phước Kiến). Ngày sanh: 23 tháng 3 năm Giáp Thân (1044), đời vua Tống Nhon Tông, tám tuổi biết đọc, mười một tuổi tu Phật giáo. Mười ba tuổi, thọ lãnh thiên thư: thần Võ Y xuống cho một bộ “Nguyên vị bí quyết” và bà tìm được dưới giếng lặn một xấp cổ thư khác. Bà coi theo đó mà luyện tập rồi đắc đạo.

Cha tên Lâm Tích Khánh ngồi thuyền cùng hai trai, anh của bà, chở muối đi bán tỉnh Giang Tây, giữa đường thuyền lâm bão lớn... Cả ba cùng té, lặn hụp chơi với... Cùng một ngày giờ đó, trong lúc trận bão diễn ngoài khơi, thì bà đang ngồi dệt vải bên cạnh mẹ. Bà ngồi khung cửi, bỗng nhắm mắt lại, cắn nghiến hai hàm răng, hai tay đưa tới trước dường như trì nín một vật gì nặng lắm. Mẹ ngồi gần thoát thấy cử chỉ lạ lùng làm vậy, phát sợ, gọi bà. Bà không ừ hử. Mẹ càng sợ thêm, đến gần bà nắm hai vai vừa lắc chuyển vừa la lớn: “Sao vậy con? Trả lời đi con! Nói mau kéo mẹ sợ lắm.” Bà mở mắt ư một tiếng dài như vừa tỉnh giấc chiêm bao, bỗng òa lên khóc: “Mẹ ôi! Thôi rồi, cha mắc nạn to, thuyền bị bão chìm, nay con không cứu cha được cũng vì mẹ một hai trục con về. Ấu chẳng qua cũng tại số trời!”. Rồi bà thuật tự sự. Khi ban nãy bà làm như vậy là bà đang một tay nắm anh cả, một tay kéo anh thứ, vì cả hai đang chơi với dưới ngọn ba đào. Giữa lúc bối rối làm vậy bỗng bà thấy cha đang lặn hụp dưới thủy triều và sắp bị nước cuốn trôi... nên bà dùng răng

cẩn được chéo áo của cha, bà sắp cứu được cả ba thoát nạn dữ, kể nghe mẹ kêu giết dội một hai lay gọi ép bà trả lời, bà vừa hở môi thì sóng cuốn cha mất dạng. Nên bà chỉ cứu hai anh thoát nạn và chờ các người ấy về sẽ rõ âm hao. Quả đúng như lời, cách ít hôm sau, hai anh về tả lại cảnh cha chết, quả y như lời bà đã thuật cách mấy ngày trước. Từ đó tin đồn truyền ra, xa gần đều biết và mỗi khi ngoài biển thuyền bè bị đắm, gọi vái đến bà là tai qua nạn khỏi. Về sau, dân gian quá ngưỡng mộ danh bà, mỗi khi có nguy hiểm tai nạn đều van vái bà, nhứt là những khách thương cưỡi thuyền vượt biển.

Năm Canh Dần (1110) niên hiệu Đại Quan, nhà Tống sắc phong Bà: “Thiên Hậu Thánh Mẫu”. Lễ cúng 23 tháng 3 mỗi năm; và tại Chợ Lớn, mấy năm xưa, có chung cộ Bảy Bang rất lớn, có múa rồng hát bội Tàu và ta, bong đèn kết tui, bong hình như “Kim đồng, Ngọc nữ” bằng trẻ con rất khéo. Từ ngày duy tân, bớt những xa xỉ ấy, bao nhiêu hoa lợi Chùa Bà, mỗi năm trên số triệu, đều dùng vào việc nghĩa: giúp dưỡng đường trường học. v.v... Nhưng ban trị sự Chùa Bà sáng suốt nên không theo gương Quan Võ Miếu, vẫn thờ phượng tôn kính và chỗ chánh điện vẫn giữ y như cũ. Hay là các người Trung Hoa, mặc dầu theo mới, nếu có triệt để “duy vật” là bên Chùa Ông, còn bên Chùa Bà vẫn kiêng nể và nhấm mắt để cho đàn bà đi chùa lễ thần và cúng vái thế cho mình.

Trong chùa Bà Thiên Hậu Chợ Lớn còn vài cổ vật cổ tích: một đại đồng chung đề “Đạo Quang năm thứ 10” tức là vào năm 1830. Một bộ lư Pháp lam (cloisonné) vĩ đại, cũng đề một niên hiệu ấy. Một tượng lịnh của tướng d’Ariès

ký tên cấm các binh sĩ Tây và Y Pha Nho (Tây Ban Nha) phá phách trong chùa cũng đề ngày lối năm 1859 hoặc 1860, tiếc thay người trong chùa không biết giữ gìn kỹ lưỡng, nên chữ đã phai mờ không đọc được. Chùa ngày nay như ta thấy, toàn xây cất bằng vật liệu bên Tàu đem qua, từ viên gạch, tấm ngói, đến những đồ gốm gắn trên mái nóc đều do thuyền buồm chở sang đây, đến cách thức phong tô cũng giữ y thể thức Tàu, gạch xây liền mí không tô hồ, đếm rõ từ tấm một, lần hồ thẳng đường thẳng lối khít rít và ngay bon như vẽ, thiệt là rất khéo và tưởng chừng thợ kim thời khó làm sắc sảo hơn nữa được. Truy ra chùa này trùng tu năm 1860 (Hàm Phong năm thứ 10). Ngày nay đứng ở sân chùa ngắm lên các cảnh chung trên nóc bằng đồ gốm nung bên Tàu là biết được những phong tục Trung Hoa cổ thời, thuở vua chúa còn trị vì: đá võ đài, thi đậu vinh quy, công chúa tuyển phò mã, v.v... những vật này đáng được liệt kê vào sổ cổ tích vậy.

Nay tiếp tục dạo xem các chùa khác thì gặp:

- Đường Đồng Khánh, một chùa của người Hải Nam, hiệu đề “Quỳnh Phủ Hội quán” còn trang nghiêm và khéo giữ gìn, có trật tự lắm. Trong chùa còn một chung đồng lớn đề “Quang Tự Ất Hợi” (1875).

- Đường Nguyễn Trãi, có một chùa của người Phước Kiến, hiệu đề “Hà Chương Hội quán”. Chùa này đồ sộ và khéo nhứt thời xưa, cho nên ngày nay người cố cựu Chợ Lớn còn quen dùng danh từ “lớn bằng Chùa Ông Hược”, vì thời trước chùa này là nguy nga nhứt. Quên nói “Hược” là tên nôm na của Hà Chương Hội quán. Ngày 6 tháng 6

năm 1960, chúng tôi có đến viếng chùa, như dịp hỏi lai lịch và nguyên do chữ “Hược” thì chính ông từ giữ chùa cũng ấp úng trả lời không suông sẻ. Chúng tôi hỏi: “Phước Kiến” có bảy phủ nào thì ông kể không đủ số. Đến chữ “Hược”, theo ý ông là do chữ “Hạp” (Hiệp), tức ý nói chùa lập ra do sự thống nhất của các phủ tỉnh Phước Kiến *hạp* lại. Cất nghĩa làm vậy chúng tôi tưởng chưa thông đâu. Kế đó chúng tôi đến hỏi một học giả ham chơi đồ cổ, gốc người Phước Kiến ở đường Phạm Ngũ Lão thì ông không trả lời được. Riêng chúng tôi được biết, có phải chăng “Hược” do “Học”, tức “Phước hay Phúc” đọc giọng Phước Kiến? Chúng tôi nay xin chép ra đây để chờ người cao học phủ chính.

Tiếng rằng “Chùa Ông Hược” nhưng chánh điện thờ bà Thiên Hậu. Trong chùa có một chuông lớn đề “Đồng Trị, Mậu Thìn niên” (1868). Tại chùa có bốn cây cột đá, nguyên khối, rất lớn và khéo vô cùng. Chạm rồng vắn cột, vẩy vi, nanh móng nổi ra, tóc râu chạm lọng tuyệt mỹ, tiếc thay, mấy năm tao loạn đã bị sút mẻ và gãy rời mất đôi chỗ, thật là rất uổng. Khéo nhất là hình “bát tiên quá hải” chạm đứng trên thủy ba, trên mây và trên vi rồng, nét chạm thần tình đến tưởng nét vẽ trên giấy cũng không khéo hơn. Nghe nói xưa chùa có sáu cây cột nhưng đã bị Chánh phủ thời đó “mượn không trả” hết hai cây rồi!

Ngoài cửa chùa, đời Đồng Trị năm Mậu Thìn (1868), Trạng Nguyên Lâm Hồng Niên người Phước Châu, có gởi cúng hai câu liễn khắc vào đá, nay còn rành rành:

“*Hà* thái ánh Nam thiên, vận triều tu hòa chí khánh.

“*Chương* lưu thông trạnh địa, linh khai phú hữu chí trường”.

- Đường Lão Tử, có “*Ôn Lăng Hội quán*” của người Phước Kiến, thờ Bà Thiên Hậu. Vị trụ trì chùa này cho biết rằng “*Ôn Lăng*” là một danh địa phủ Tuyền Châu. Ngoài cửa chùa có chạm vào đá hai câu liên do Trạng nguyên cấp đệ Ngô Lỗ cúng năm Tân Sửu (1901) đời Quang Tự:

“*Ôn* như trước chí nhơn, chánh đạo dung dân nguyên
Khổng Dịch;

“*Lăng* nhạc đồng trang trọng, mẫu nghi hình ngã
cánh vô phương”.

Trong chùa còn một chuông lớn đề “*Đạo Quang Ất Dậu niên*”, tức năm 1825, (năm thứ sáu của vua Minh Mạng).

Khi từ tạ ra về, Hòa thượng đưa ra cửa, dạy thêm cho biết rằng: “*Để* tưởng niệm Châu Ngươn Chương, thủy tổ nhà Minh, nên chùa thường dùng màu đỏ (châu, chu) sơn cột và trính, còn trên ngạch cửa, có chạm hai mắt lồi ra, tượng trưng *Nhật, Nguyệt*, hai chữ ấy ráp lại tức *Minh* vậy.

- Đường Đèn Năm ngọn, góc Khổng Tử và Phùng Hưng, còn một ngôi chùa Phước Kiến nữa, đề “*Nhị Phủ Hội quán*”. Nhị phủ là Chương Châu phủ và Tuyền Châu phủ nhập lại. Chùa này lập năm 1835, thờ “*Ông Bổn*”.

Nguyên đời Vĩnh Lạc (1403-1424), vua có sai ông Thái giám Trịnh Hòa (sách Pháp âm: Cheng Ho) cưỡi thuyền buồm dạo khắp các nước miền Đông Nam Á ban bố văn hóa Trung Hoa, và luôn dịp mua về cho hoàng đế Minh triều những kỳ trân dị bửu Ấn Độ, Xiêm La, Miến Điện, Cao Miên, Việt Nam, Chiêm Thành, Tân Gia Ba, Chà Và, Nam Dương Quần Đảo, v.v... Trương Hòa tỏ ra vừa là nhà thám hiểm, du lịch, khảo cứu địa dư, ngoại giao, ngôn ngữ học, mỗi mỗi đều tài tình. Đi đến đâu, ông thi nhân bố đức, và đưa người Tàu đến lập nghiệp đến đó, hoặc chỗ nào có người Trung Hoa ở sẵn thì ông chỉnh đốn sắp đặt cho có thêm trật tự, v.v... sau này ông mất, dân ngoại kiều cảm đức sâu, thời làm phúc thần, vua sắc phong “Tam Bửu Công”, cũng gọi “Bổn Đầu Công” (đọc giọng Tàu là Bửn Thầu Cúng), gọi tắt “Ông Bổn”.

- Đường Nguyễn Trãi đi một đoạn khỏi đường Tổng Đốc Phương, gặp chùa Lê Châu. Đây là “chùa Tổ” thờ tổ sư của nhóm thợ và chủ lò kim hoàn; sau những người Hoa kiều đồng nghề cũng nhập với đồng nghiệp Việt Nam, nên mỗi năm cúng tổ long trọng và oai nghi lắm.

- Đường Đồng Khánh ngang bót Quận Tư, nay đổi làm bót Quận Năm, là chùa “Minh Hương Gia Thạnh”. Chùa này cổ nhứt trong vùng, tạo lập từ năm Kỷ Dậu (1789) đời Cảnh Hưng, nhờ ban quản trị sáng suốt nên gìn giữ được vẻ tôn nghiêm xưa... Trãi bao biến đổi, chùa còn giữ được bút tích, liễn đối do tay Trịnh Hoài Đức viết, và các đạo sắc chỉ vua ban đời trước. Trong chùa thờ các di thần Đại Minh và con cháu, phần nhiều là những người

Minh Hương danh tiếng, đứng đầu có Trần Thắng Tài. Sau thêm bài vị các ông Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Vương Hữu Quang v.v...

- Trong Chợ Lớn còn ba chùa thờ Quan Võ Đế nữa là:

1. Phước An Hội quán, lập năm 1900, thế cho miếu nhỏ “An Hòa cổ miếu”, ở đường Hùng Vương, góc trở ra đường xe lửa Mỹ cũ. Chùa này do người Minh Hương tạo lập. Mấy chục năm trước, hội trưởng là ông Nguyễn Chiêu Thông, nay đã mất.

2. Cửu Sơn Hội quán, đường Xóm Vôi (trong xóm có bán vôi). Hội trưởng có công với chùa năm xưa là ông Dương Công Cẩn.

3. Nghĩa Nhuận Hội quán, đường Gò Công, lập năm 1872, do ông Đỗ Hữu Phương (1840-1914) gây dựng và con là Đỗ Hữu Trí vun bồi. Hội trưởng cũ là ông Trương Văn Bền. Chùa được ban quản trị chăm nom chu đáo lắm. Trong chùa ngăn nắp, chỗ thờ, chỗ yến tiệc, đâu đâu đều dàng hoàng. Còn đủ năm tấm cổ bia bằng đá khắc tên các nhà hảo tâm hỷ cúng lập vào những năm: Tân Mùi (1871), Kỷ Mão (1879), Giáp Ngọ (1894), Bính Ngọ (1906) và Tân Hợi (1911). Năm 1952 có một bà cúng vào chùa một tượng xích thố mã bằng gỗ sơn mài, trông y ngựa thiết, không chùa nào có tượng khéo hơn, lạ là thời nay còn nghệ sĩ có biệt tài như vậy cũng nên mừng. Nhưng lạ nhứt và mừng nhứt là tôi được gặp tại đây câu liên thờ Quan Đế, bấy lâu nghe đồn mà không biết ở đâu, trong câu gồm hết một bộ

truyện *Tam Quốc*:

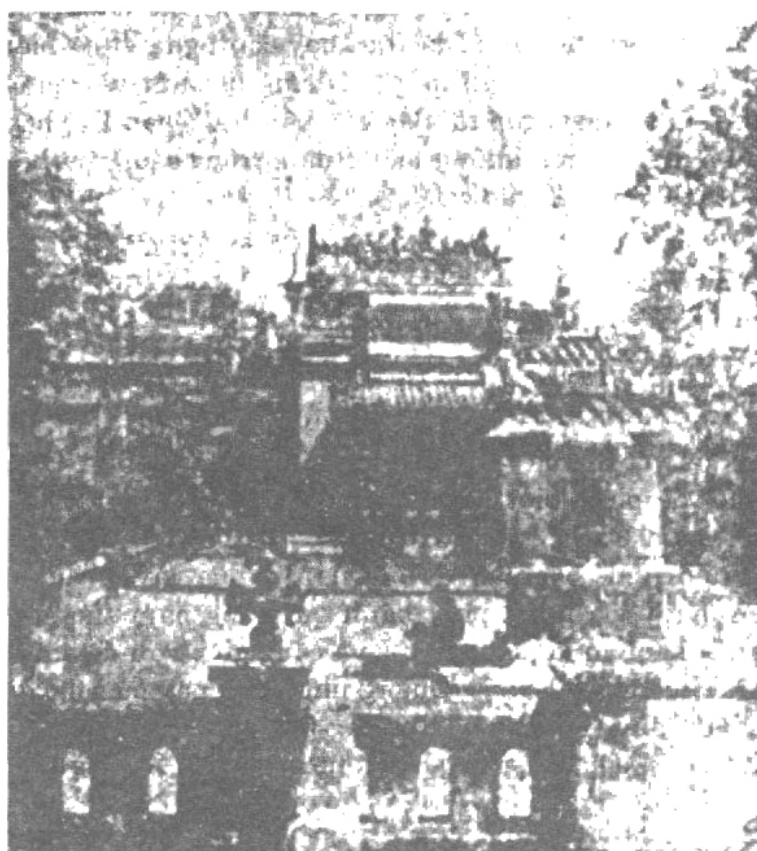
Sanh Bồ Châu, Sự Dự Châu, Chiến Từ Châu, Thủ Kinh Châu.

Vạn Cổ thần châu hữu nhứt;

Huỳnh Huyền Đức, Đệ Dục Đức, Xá Bàng Đức, Thích Mạnh Đức, thiên thu thánh đức vô song.

Còn một chùa Quan Đế khác nữa gọi “Chùa Ông Nhỏ” để phân biệt với chùa đường Triệu Quang Phục là “Chùa Ông Lớn”. Chùa này ở trên đường Nguyễn Trãi, hiệu đề “Nghĩa An Hội quán”. Chùa này có có tục lệ đến ngày vía thần, phaq̃t bánh quy sang năm sau góp lại, trẻ em ăn là được phước, và cũng giúp vốn để sanh nhai, tục gọi “tá phứ”. Dường như chùa này của người Triều Châu. Tại chùa có trường tư thực hiệu đề “Sùng Ninh” và đây cũng là phòng liên lạc hội Khổng học Hoa Việt.

Hình VIII



*Chùa Ngọc Hoàng ở đường Phạm Đăng Hưng
(Đất Hộ)*

- Kể về chùa Tàu, tại Sài Gòn, đường Phạm Đăng Hưng (đất Hộ), có một ngôi chùa cũng lạ lắm. Chùa tạo lập lối năm 1905, ăn lạc thành năm 1906 trông có vẻ cổ kính vô cùng, hoa viên, và cách sắp đặt phía trong đáng được liệt kê vào hàng kỳ quan tại Sài Gòn này lắm. Ấy là chùa Ngọc Hoàng, chữ viết “Ngọc Hoàng Điện”. Một người Tàu tên Lưu Minh ăn chay ròng, giữ đạo “Minh sư”, lập chí quyết lật đổ nhà Mãn Thanh, xuất tiền tạo lập vừa để thờ phượng vừa để làm nơi hội kín. Chánh điện thờ đức Ngọc Đế, tiền điện thờ đức Thích Ca, phía hữu điện vào trong xa có một cổ miếu nhỏ thờ viên đá bản xứ tượng trưng “Ông Tà” của người Cao Miên xưa. Đây có lẽ là nguồn gốc miếu cổ này, về sau người Tàu có thâm ý mang từ bên xứ họ một viên đá khác để gần đó, nhang đèn thờ phượng, chữ đề “Thái Sơn”, tức lấy đá từ hòn núi Thái Sơn bên Tàu qua đây thay thế cho “Néac Tà” bản xứ. Gần đó nữa, có bụi tre ngà, dưới gốc cũng nhang đèn nghi ngút, trên nhánh tre nào quạt, nào tóc rối, nào chỉ quần nui, quạt tượng trưng cho sự mát mẻ, có lẽ hoặc của hai người bạn, vừa hết giận nay làm thân, hoặc của đôi vợ chồng sum hiệp sau những ngày hờn dỗi, tóc rối, chỉ nui tượng trưng những rối rắm trường đời nay cố bót treo dây cho nhẹ. Trước miếu có gian phòng bày cảnh thập diện và cảnh thiên đàng chạm trên cây rất đẹp, bên tả điện có treo bức tranh “Đạt Ma Tổ sư quá hải”, tranh vẽ trên giấy nét bút thần tình. Kế bên có thang đưa lên từng lầu, nơi đây thờ Quan Đế và bài vị những người có công tạo lập cảnh chùa. Bước ít bước tới sân lộ thiên, đứng đây dòm bao quát thấy đủ nóc bất bông bất chỉ bằng đồ gốm tinh

xảo vô cùng, lại thấy sự thâm ý hạn chế ánh sáng làm cho trong chùa có vẻ âm u huyền bí theo ý nhà kiến trúc sư tinh thông thuật tâm lý.

Nay trở lại kể qua các chùa thờ Phật thì có Giác Viên Tự, tên ngoài là Chùa Hố Đất, cũng gọi là Tổ Đình. Chùa này đã có từ năm Gia Long thứ 2 (1803), nhưng nếu được u nhã kiên cố như ngày nay là nhờ công vị cao tăng, sư Hải Tịnh nhiều. Trước kia sư Hải Tịnh tu tại chùa Giác Lâm, sau vì thấy chùa hư nhiều cần tu bổ lại nên sư Hải Tịnh qua trụ trì tại chùa Giác Viên ở cách đó lối một cây số ngàn. Ở Giác Viên Tự sư Hải Tịnh lao công trì chí sắm từ bộ cột gỗ và chất mót lần hồi cho đến đủ tiền tu tạo chùa Giác Lâm. Sửa chùa rồi, sư Hải Tịnh giao cảnh Giác Viên Tự cho đồ đệ là Hòa thượng Hoàng Ngãi, tên ngoài là Trần Văn Phong. Sư Hoàng Ngãi gốc người Bà Điểm sanh năm 1857, tịch ngày 23-12-1919. Lễ nhập tháp là ngày 3-1-1930, tháp nay còn gần chùa Giác Viên, ngày cất đám có trên ngàn thầy sãi các nơi đến dự.

Một chùa Phật hữu danh nữa là chùa Cẩm Đệm, tên xưa là “Giác Lâm Tự”, trên Phú Thọ, đường đi Bà Quẹo, cách chùa Giác Viên một cây số ngàn. Chùa cũng có tên khác là “Cẩm Sơn Tự”, lập từ năm Giáp Tý (1744) là một ngôi chùa xưa bậc nhất trong vùng. Như đã nói, vị cao tăng Hải Tịnh trước tu hành nơi đây. Khi sư Hải Tịnh tu bổ chùa như sở nguyện được rồi thì sư giao chùa Giác Lâm này cho một đồ đệ nữa là Yết ma Phạm Văn Tiên, người Bình Thới (Gia Định) sanh năm 1875 (không biết người tịch năm nào, chớ vào khoảng năm 1929, người còn khỏe

lắm). Chùa Giác Lâm còn một dật sử cũng nên thuật lại. Số là độ trước, Tư Mất, tay anh chị nổi tiếng nhứt hô bá ứng một thời tại Chợ Lớn, khi biết mình già thì lui về nghe kinh niệm Phật tại đây. Nào ngờ khi thiếu niên thì búa dao không chém được, trở về lão, vì một cây đèn ét xăng trực trặc sao đó, khiến Tư Mất lui cui sửa chữa thế nào mà xăng phụt cháy, cháy luôn “con hổ già Tư Mất” không cứu kịp. Ô hô! Anh Tư!

Chùa Giác Hải tại Phú Lâm lập năm 1887, ở gần Chùa “Giải Bình”. Năm 1929, vị hòa thượng trụ trì nơi đây là ông Nguyễn Văn Tường, pháp danh sư Từ Phong, chùa cất sửa lại kiểu nhà thờ Gia Tô.

Chùa Giả Bình nay gọi “Thiên Trúc Tự”, trước tên “Giải Bình”, vì nơi đây lúc trước nguyên trị tà mà giải bình loạn óc...

Còn từ Phú Giáo trở ra Phú Lâm, những chùa nên kể là:

Chùa Bửu Sơn:

Chùa Gò, chữ gọi “Phụng Sơn Tự”, cất trên nền chùa Thổ xưa, nay còn thấy rõ cảnh ao nước bọc chung quanh, điệu “Barray” của Cao Miên sót lại. Nơi đây, năm 1902, vị chủ tọa, tộc danh là ông Đình Văn Chấn, người Gia Định, làng Phước Thạnh, sanh năm 1866, tự thiêu mình trên giàn hỏa, thọ 37 tuổi. Chùa Gò có đặc điểm là có bốn cây “bach mai” một loại với cây mai “đồn Cây Mai” nhưng trở bông; trở trái sum sê, hởi ra thì giống mai này mang từ Cao Miên về cách nay trên bốn chục năm và có lẽ cũng

một chi phái với mai trên lăng Mạc Cửu đất Hà Tiên, vì nhứt quyết mai Hà Tiên gốc ở Cao Miên đem về, còn mai do Mạc Cửu mang từ Trung Hoa sang đã khô chết từ lâu.

Chùa Tứ Phước;

Chùa Sùng Đức;

Chùa Tuyên Lâm (ông Yết ma Hạp, sanh năm Canh Ngọ (1870), cũng tự thiêu năm Giáp Tý (1924) và mộ ông nay ở nghĩa địa Giác Viên, thọ 54 tuổi).

Chùa Bửu Lâm;

Chùa Từ Ân, theo *Đại Nam nhất thống chí*, trương 81, thì chùa lập năm 1802, được sắc phong năm 1821 “Sắc tứ Từ Ân Tự”. (Hòa thượng Nguyễn Văn Bằng, pháp danh Thanh Ấn, trụ trì nơi đây là một nhà sư danh tiếng nhứt trong Nam, đạo, hạnh gồm hai, năm 1931 vẫn còn mạnh khỏe).

Các chùa nèn kể nữa là:

Chùa Phật Bửu Tự đường Cao Thắng.

Chùa Hưng Long đường Minh Mạng, mới xây dựng lại. Năm 1952, tôi có gặp tại đường Phan Thanh Giản, trong một trại bán cây ván cũ, một vài cây cột gỗ, còn chạm chữ “Hưng Long Tự”, không biết sao lại lạc loài nơi đây? Một chùa ghi trong *Đại Nam nhất thống chí*, trương 81, rằng “Hưng Long Tự” lập năm Giáp Dần (1794) do người làng là “Linh Yển” quyên của, hòa thượng Phước An đứng lập, năm Gia Long thứ hai (1803) được ông là Hà Chánh Niệm trùng tu, có phải chùa này chăng, và nếu

phải thì địa phận làng An Diêm xưa, thuộc huyện Bình Dương, ăn giáp đến đường Minh Mạng ngày nay vậy. Còn “Lính Yển” nào đây có phải là người công Chúa Nguyễn Ánh chạy giặc năm xưa chăng?. “Lính Yển” năm 1794 quyền tiền lập chùa, còn chuyện “công Chúa” thuộc năm nào, mơ hồ quá.

Một chùa ở đường Sư Vạn Hạnh, hiệu “Ấn Quang” tức “Phật Học đường Nam Việt” phái Đại Thừa;

Một chùa hiệu “Bồ Đề Lang Nhã” của tư gia lập, đường Minh Mạng, thờ Đức Quan Âm “Thiên thủ thiên nhân” (gỗ xưa mạ vàng).

Chùa Kỳ Viên đường Phan Đình Phùng (Phật giáo nguyên thủy) (Tiểu Thừa).

Chùa Xá Lợi đường Bà Huyện Thanh Quan, kiến trúc tối tân, có thư viện.

Chùa Tam Tông Miếu, đường Cao Thắng v.v...

Những chùa cũ nay chỉ nghe nhắc tên là chùa Khải Tường, năm 1859 ông Nguyễn Tri Phương lập làm đồn chống Pháp, qua đêm 6-12-1860 binh ta phục kích giết quan Ba Barbé nơi đây, nên chùa bị Pháp dẹp. Chùa này có đặt sử chính hoàng tử Đảm (sau lên ngôi là đức Minh Mạng) sanh nơi hậu liêu vào năm 1840, Cao Hoàng nhớ tích cũ, để tạ ơn Phật dày công che chở mấy năm bôn tẩu, nên gửi tặng chùa một cốt Phật Thích Ca thật lớn bằng gỗ mít, thếp vàng tuyệt kỹ. Từ năm 1867, chùa bị dẹp, tượng Phật phải dời về nung nấu nhiều nơi, cùng số phận với hội Cổ học Ấn Hoa, khi đường Tự Đức, khi đại lộ

Thống Nhất (chỗ hăng máy bay Air France bây giờ), mặc cho mối ăn một khoét. Ngày nay thẳng bình trở lại, tai qua nạn khỏi, đức Thích Ca vĩnh viễn ngự tại trung đường Viện Bảo tàng Sài Gòn như chúng ta đã thấy. Nền chùa Khải Tường truy rõ lại, ở lọt vào vùng đất trường Đại học Y được hiện thời, số 28 đường Trần Quý Cáp, trên khu đất mang số bông đồ kim thời 1, 8, 9 - section B 2è feuille, ville de Saigon. Vị trí nền chùa định chừng ở lối dây nhà bếp nhà xe của tòa nhà cũ Chưởng Khé Mathieu. Xóm nhà này đạo trước, nhiều người đồn “ở không được”, và tương truyền ai ở đây, cũng bị “phá khuấy” ít nhiều, chẳng ốm đau cũng có chuyện nọ chuyện kia xảy đến làm cho nhọc lòng rồi trí luôn luôn. Thời Pháp có lúc họ dùng ngôi chùa để nuôi lính sen đầm, nay chỗ ấy làm trụ sở trường thuốc, họa chăng từ đây là mị gặp kẻ cao tay ấn hơn rồi!

Cũng lối đó, ngang chùa Khải Tường, day mặt ra đường Lê Quý Đôn phía sau xa xa khu trường lớn Pháp Chasseloup-Laubat cũ, xưa có một ngôi nhà lợp ngói ta, cột gỗ danh mộc, lối năm 1867 binh Pháp đặt làm tiểu đồn (fortin), sau làm trại nuôi trẻ hoang, đến năm 1895 thì dẹp.

Trong Gia Định có chùa Tập Phước, cũng có từ lâu đời.

Báo *Tri Tân* số 7 ngày 18-7-1941, có kể bài của ông Nguyễn Triệu chép bài thi ngũ ngôn cổ điệu của Trịnh Hoài Đức đề tặng Viên Quan hòa thượng chùa Tập Phước như vậy:

Ức tích thái bình thì

Lộc đồng Phương thịnh mỹ

*Thích Ca giáo hưng sùng,
 Lâm ngoại tổ phú quý:
 Ngã vì thiêu hương đồng,
 Sư tác chi giới sĩ,
 Tuy ngoại phân thanh hoàng,
 Nhược mạc khế tâm chí.
 Phong trần thúc lương bằng,
 Thế giới nhập (?) ngạ quỷ!
 Bình ngạnh nhậm phù trầm,
 Bào ảnh đẳng sinh tử.
 Yểm tử thập dư niên,
 Hoảng thuẩn tức gian sự!
 Tây giao thích nhân hành
 Sơn môn ngẫu tương trị:
 Ngã, hiệp biện trấn công,
 Sư, đại hòa thượng vị,
 Cháp thủ, nghĩ mộng hồn!
 Đàm tâm, tạp kinh quý!
 Vãng sự hà túc luận,
 Đại đạo hợp như thị...*

Chùa Kim Chương trong thành Ô Ma, trong địa đồ
 Trần Văn Học, thì ở ném phía tả Hiến Trung Từ. Năm
 1885, cụ Trương Vĩnh Ký đã không còn thấy, có lẽ bị phá
 bỏ từ trước. Nay thấy trong sách, khi ghi Kim Chương Tự,
 khi viết “Kim Chung Tự” định “Chương” là đúng hơn, ngặt

nỗi không biết chữ viết ra sao?

Miếu Thánh cũng gọi Miếu Hội Đồng, ở về phía hữu đền Hiến Trung, cũng bị thủ tiêu trong mấy năm binh cách trước 1885.

Đền Hiến Trung, xây năm Ất Mùi (1895), trùng tu năm Gia Long thứ 3 (1804), tu bổ năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Đền này được Trường Viễn Đông Bác Cổ liệt kê vào sổ cổ tích, tưởng nhờ vậy mà được tồn tại, không ngờ đến năm 1954 thì đã không còn! Riêng tôi được đến viếng một phen năm 1947 với ông Pierre Dupont, nhưn viên Trường Bác Cổ, khi ấy đền đã bị mối ăn hư hao nhiều rồi, qua năm 1950, tôi có trở lại viếng với ông Bernard Philippe Groslier là quản thủ Pháp của Viện Bảo tàng Sài Gòn. Chúng tôi đề nghị cấp tốc sửa chữa đền, nhưng cơ quan nhà binh Pháp không thuận giao trả đền cho Trường Bác Cổ, một hai rằng đền ở trên lãnh thổ nhà binh thì thuộc quyền nhà binh định đoạt! Tưởng việc đâu còn đó, và trong trí tôi định ninh nhớ đền ở mé gần đường Võ Tánh, cứ đứng ngoài rào, ngay chỗ giáp mối đường Nguyễn Cư Trinh (Marchand cũ) ngó với qua tường thì thấy nóc đền. Không dè qua năm 1955, chúng tôi trở lại đây với nhưn viên Viện Khảo cổ, thì đã sao dời vật đổi, đền đâu chẳng thấy, một viên gạch nhỏ cũng không còn, đừng nói chi một bộ kèo trính rường cột chạm trở tỉ mỉ. Trường Bác Cổ đã nhìn nhận và liệt kê vào hàng cổ tích, mà nay có lẽ đã theo “bàn tay nhám” của nhà thầu nào đó mà biến thành tờ giấy bạc trong két của họ hoặc đã làm mồi cho mối mọt, uống thay! Đền Hiến Trung có một dật sử riêng, nay cũng

nên nhắc lại ra đây cho thỏa chút lòng hoài cổ. Nguyên tôi có quen một bạn nhỏ, tánh tình dễ thương, nay làm việc tại Thư viện Quốc gia đường Gia Long. Năm 1942, anh đến tuổi nhập ngũ, nên Tây bắt vô ở trong thành Ô Ma. Nơi đây anh được nghe thuật lại một chuyện thuộc tin ngưỡng, mà bây giờ tôi xin kể lại nghe chơi, không dám ép phải tin bằng lời, vả lại về phần bảo đảm đúng sự thật, hoặc tin được cùng không, đã có bạn tôi chịu trách nhiệm. Số là vào năm 1938, sau cuộc tuyển chọn lính tân, nhà binh Pháp bèn đem các anh lính mới điều từ Lục Tỉnh về tập trung chung quanh và ở ngay trong đền Hiên Trung... Vài ngày sau, xảy ra việc binh lính mới điên không đau ốm mà chết, chết một hơi cả chục đứa trong một đêm. Các võ quan Pháp bao giờ họ chịu tin chuyện tà ma phá quấy hay quỷ thần quở phạt v.v... nên một mặt họ phú cho sở quân y điều tra và chặn đứng bệnh lạ, một mặt nữa thì họ cấm quân lính ăn những vật bán ngoài thành. Thấy thuốc không tìm ra căn duyên bệnh dữ, và lính cứ chết thêm mãi. Túng thế họ đành nhắm mắt để cho các thầy đội ông ách cúng tế vái van thử xem. Ấy! Việc làm chơi chơi mà bệnh dứt ngang mới quái lạ. Bẵng đi một dạo, câu chuyện dị đoan vừa quên lần, kể xảy ra chuyện mấy trẻ con Tây mới đến chơi chung quanh đền rồi chiều lại có nhiều đứa bị nóng lạnh đến bí đường tiểu tiện! Mấy ông nhà nghề, nói thúc thủ thì quá đáng, nhưng chưa kịp trở tài thì đứa trẻ qua khỏi cơn nguy, nhờ chị vú vái một nải chuối. Muốn vậy thì cho vậy: năm 1939, các võ quan thành Ô Ma bày một cuộc lễ rất lớn, cho phép lính tráng nghỉ ngơi mấy ngày và tha hồ ngã bò vật heo cúng tế. Dẫu sao cũng mua

được lòng vui kẻ dưới, vấn đề tự do tín ngưỡng sờ sờ trước mắt kia mà!. Năm ấy cuộc lễ càng tăng phần long trọng nhờ có quan từ triều đình Huế vào đây “ngự tế”. Nay đền Hiến Trung đã không còn, một phần lỗi là vì nhà binh Pháp thuở ấy tự tiện dỡ xuống không cho Trường Bác cổ hay kịp mà dời đi chỗ khác xây dựng lại để bảo tồn một cổ tích xưa, thật đáng tiếc lắm thay!

Văn Miếu thờ đức thánh Khổng, dựng năm Minh Mạng thứ 5 (1824) tại địa phận thôn Phú Mỹ (Thị Nghè) cũng mất dấu từ lâu.

Cũng tại thôn Phú Mỹ, có một đàn xã tắc và ruộng công điền mỗi năm tế giao tại đây. Ruộng này, biết được ở trước Dưỡng lão đường, nhưng biết vậy thôi, chớ nhà cửa cất chồng lên làm mất dấu từ lâu rồi.

Một cổ tích mất dấu nữa là “Chú tiền trường”, tức “trường tiền” là chỗ đúc những tiền “Gia Long thông bảo”, nay nền nhà cũ ở đâu? Sở Công chánh ngày nay, tục quen gọi “Trường tiền” có phải là vì Bộ Công khi xưa chuyên việc đúc tiền, nên nay tên gọi như vậy, và chớ nên thấy sở Công chánh có tục danh là “Trường tiền” rồi đề quyết ngày xưa “Chú tiền trường” ở nơi đây, vì mỗi tỉnh miền Nam đâu đâu đều có sở trường tiền cả.

Trong Chợ Lớn có hai ngôi chùa đã bị phá, nay chỉ còn tên:

1. Phước Hải Tự trong vùng dưỡng đường Chợ Rẫy; và 2. Phước Hưng Tự, đường Hồng Bàng, góc Nguyễn Tri Phương. Hiện đường Hồng Bàng còn thấy vài ngôi tháp cổ kính, đây là mộ của các vị hòa thượng trụ trì chùa

Phước Hưng vậy.

Về chùa Kiểng Phước, xin xem trương 151.

Con sót tên những chùa và hội quán như sau đây, xin bổ túc:

Ưu Long Hội quán, ở đường Ưu Long (Xóm Củi), không đăng công nhận.

Phụng An Hội quán của nhóm Minh Hương, số 27 đường An Bình, không đăng công nhận.

Chùa Quan Âm Tự, đối diện Bót Cầu Tre, trên hương lộ số 14.

Huệ Lâm Tự, đường Tùng Thiện Vương (Xóm Củi) (đang xiêu đổ).

Mặc dù chùa này vắng khách, nhưng trước chùa ngày 5-4-1962, tôi còn thấy để dưới bụi cây bốn phiến đá cổ chạm theo kiểu Khmer, không biết do từ đâu mà chùa có, và để cù bất cù bơ làm vậy. Có người bàn với tôi nên xin “thỉnh đá” này đem về cho nhập vào bộ môn đá cổ của Viện Bảo tàng. Tôi thì nghĩ khác: Nếu xin được đá này đem về Viện thì không khác nào *gánh vàng vào kho*. Viện đã có đá nhiều, đem về thêm chật, vả lại theo tôi, đá của chùa Huệ Lâm, kiểu vở còn kém đá của Viện Bảo tàng, nên sự đem về đó không cần thiết lắm. Chỉ cho bằng sẵn đây đề nghị với Ban Quản trị của chùa Huệ Lâm, nếu mấy hàng này lọt vào mắt xanh quý vị, là nên sửa sang “chỗ ngồi” xứng đáng cho các phiến đá cổ thạch này, trước nữa đề cao những cổ vật của chùa, sau lại cho khách bốn phương đến cung chiêm tại chỗ cũng nên lắm. (V.H.S).

Giác Lâm Tự (hẻm số.....) đại lộ Thuận Kiều (không
đặng dàng hoàng).

Phước Long Tự, số 226, đại lộ Hậu Giang.

Giác Ngộ Tự, số 36 đại lộ Nhân Vị. Vừa cất xong,
khá đẹp.

Hưng Tích Tự (tên xưa là Giác Thành Tự), số 253.
đại lộ Minh Mạng.

Tịnh độ cư sĩ, số 282 đường Nguyễn Tri Phương.

Từ Nghiêm Tự, số 415-417, đường Bà Hạt, của nhóm
ni cô.

Pháp Hội Tự, số 682, hẻm Phan Thanh Giản.

Thiên Tôn Tự, đường Nghĩa Thục, kế đường An Bình.

Pháp Quang Tự, số 163, đường Đào Duy Từ.

Linh Phước Tự, ngay Cầu Chữ Y, bến Phạm Thế
Hiển.

Tịnh xá Mộc Sơn Tự, đường Lương Văn Can.

Tịnh độ cư sĩ, đường Lương Văn Can.

Huê Huyện (Hing Wen Pit Sut) thờ Lữ Tổ, Văn Xương,
Ngũ Âm, của người Huê Kiều, ở hẻm Lò Siêu số 9.

Ngoài ra, xin bổ túc như sau:

Chùa Giác Hải, số 343/45, đường Lục Tỉnh (Phú
Lâm).

Chùa Gò (Phụng Sơn Tự) ở đại lộ Trần Quốc Toản
(Phú Lâm).

Chùa Tứ Phước, số 60, đường Lục Tỉnh.

Chùa Sùng Đức, số 140, đường Lục Tỉnh.

Chùa Tuyên Lâm, số 265, đường Lục Tỉnh.

Chùa Bửu Lâm, đường Phú Thọ.

Chùa Từ Ân, ở đường Tân Hóa (Phú Lâm).

Chùa Hưng Long, số 290, đường Minh Mạng.

Chùa Ấn Quang, số 243, đường Sư Vạn Hạnh.

Đường Lục Tỉnh, số 180 có chùa Huệ Lâm (ni cô) đứng lẫm với chùa Huệ Lâm, đã nói ở trương 195.

Chùa Minh Hương ở đường Hùng Vương, gần ga cũ xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, ga này nay đã phá bỏ.

Sự phát triển của Thiên Chúa giáo trong Nam (Địa phận Sài Gòn)

Tuy đã nói nhiều về chùa chiền theo Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo, để thêm đầy đủ thiên tài liệu, xin tóm tắt đại lược về sự phát triển và hoạt động của giáo khu đạo Thiên Chúa tại Sài Gòn.

Nhắc lại năm 1884, Hội Truyền giáo Nam Kỳ xin tách ra làm một giáo khu giám mục riêng biệt cai trị một địa phận gồm một phần lớn Nam Kỳ và hai tỉnh miền Trung là Bình Thuận và Đồng Nai Thượng.

Cứ theo thống kê trong bộ “*Đông Dương Tân Thời*” (*L’Indochine Moderne* của hai ông Testeron và Percheron) (trương 235) thì năm 1928 giáo khu giám mục Sài Gòn gồm có:

- Số người theo đạo Thiên Chúa giáo... 89.250
- Trụ sở của đức Linh mục đặt tại... Sài Gòn.

- Thánh đường (églises), tiểu giáo đường (chapelles) và cầu nguyện đường (oratoires)... 248.

- Tu nữ (bà sơ) Dòng Saint-Paut de Chartres... 256.

Kẻ và 9 trường học (écoler)

8 viện trẻ mồ côi (orphelinats)

7 dưỡng đường (hôpitaux)

1 viện trị phung cùi (léproserie)... 192

- Một số nữ tu sĩ bản xứ coi sóc 14 viện trẻ mồ côi.

- 170 trường học địa phương (écoles pároissiale) số học trò theo học là... 14.935.

- 4 viện mồ côi (Nam) - Số học trò là... 140

- 1 ấn quán.

- 2 tờ tuần báo (périodiques).

Sài Gòn có một quán sự tu viện của Hội Ngoại quốc Truyền giáo (Procure des Missions Etrangères) thiết lập năm 1901, đặt ra để tiếp tế các vị tu sĩ tạm đi qua đây. Như năm 1928, viện đã tiếp rước 122 tu sĩ trong hội và 148 tu sĩ các hội khác, tính chung là 270 tu sĩ ghé Sài Gòn (1).

Số người giữ đạo Thiên Chúa tại Sài Gòn và vùng phụ cận gồm xóm Thị Nghè, xóm Chợ Quán và Xóm Chiếu, tính vào ngày Sài Gòn bị binh Pháp chiếm (11 tháng 2 năm 1859) là... 27.000 công giáo. Lúc ấy giáo khu Sài

(1) Tòa nhà làm Procure cất trên đỉnh Tả quán, và xây từ năm 1869 đến năm 1877 mới xong.

Gòn biệt lập như hiện nay, chưa có.

Ngày 13 tháng 2 năm 1859, ông B.Paul Lộc, tử vì đạo, bị đem ra xử tử (chém đầu) tại cửa thành, góc đường Hồng Thập Tự và Hai Bà Trưng hiện nay. Đây là một vị tử đạo duy nhất của họ Sài Gòn, ngày sau được:

- Đức Thánh Léon XIII, ngày 13-2-1879, phong “Vénérable” Đại Đức.

- Đức Thánh Pie X, ngày 2-5-1909, phong “Bienheureux” (Á Thánh).

Ngày thành lập Giáo khu Sài Gòn

(fondation de la Chrétienté de Saigon)

Từ năm 1848, Hội Truyền giáo trên Cao Miên (Mission du Cambodge) được giao cho Đức cha Miche cai quản. Từ năm 1852, Đức Cha Lefèbvre được phong đại lý Đức Giáo Hoàng hoặc giáo khu giám mục (vicaire apostolique de la Cochinchine Occidentale) tại miền Tây Nam Kỳ. Đầu Đức cha bị triều đình Nam treo giải thưởng, từ khi khai chiến với Pháp, nhưng Đức cha Lefèbvre trốn thoát nạn và ngày 15-2-1859 thì lên được tàu về Pháp.

Trừ hai khu Thị Nghè và Chợ Quán vẫn tách riêng thì cho đến năm 1861, Sài Gòn, Xóm Chiếu và vùng phụ cận vẫn chung làm một họ. Tháng 2 năm 1859, theo chân quân đội Pháp, Đức Cha Lefèbvre trở về Sài Gòn, chiêu tụ các tử đệ và người công giáo về lập ấp quy tụ từ đồn Nam (Tân Thuận) chạy đến kinh Tàu Hủ.

Tháng 5 năm 1863, Thủy sư Đề Đốc De Lagrandière nghĩ công ơn người công giáo, nên ban phụ cấp cho Hội Truyền giáo, mãi đến năm 1882, phụ cấp này mới bị bãi bỏ.

Kể ra có công nhiều như⁴ là:

- Đức Bá Đa Lộc, (Père Le Grand) tịch ngày 9-10-1799.

- Đông cung Cảnh, từ trần ngày 21-3-1800 (cách có mấy tháng).

- Cha P.Liot (nhờ ông này nên hai ông Nguyễn Ánh và Bá Đa Lộc quen nhau, về sau P.Liot làm bí thư và kế nghiệp Bá Đa Lộc) tịch ngày 28-4-1811 (mộ ông ở gần lăng Bá Đa Lộc, được liệt kê cổ tích tháng 5 năm 1930).

Nhà Dòng Saint-Paul

Lối cuối năm 1860, do yêu cầu của Đức Cha Lefêbvre, nên các bà sơ Nhà Dòng Saint-Paul de Chartres được phái sang đây, với phận sự là săn sóc trẻ mồ côi vì cha mẹ chúng bị bắt đạo nên bỏ rơi, và những trẻ vô thừa nhận của bên lương. Gốc tích Nhà Dòng “Thánh Nhi” Sài Gòn (Sainte-Enfance) do đây mà có. Nhà Dòng này lúc ban sơ ở Chợ Cũ, dựa nhà đức linh mục; hai năm sau 1862, Đô Đốc Bonard hiến cho Bà Bê Trên R.M.Benjamin, sở đất hiện nay ở chỗ ta còn thấy, nên Nhà Dòng dời về đây và lần lượt bành trướng thêm, gồm có:

- Một nhà tu riêng cho các bà sơ Việt Nam.

- Một nhà nuôi trẻ con Pháp và trẻ con lai.
- Một ký túc xá dạy dỗ nữ sinh con nhà khá giả bản xứ, gọi Trường Nhà Trắng.
- Một nhà nuôi trẻ mồ côi và con bỏ rơi bản xứ.
- Một nhà nuôi gái bản xứ bị dụ dỗ nay cải thiện.

(Tương truyền nhà lầu cao lớn nơi đây là do ông Nguyễn Trường Tộ năm xưa đứng coi xây cất).

Dưỡng đường Chợ Quán

(Hôpital de Cho-Quan)

Dưỡng đường này do Đức Cha Lefèbvre sáng lập, để nuôi người bệnh tật nghèo nàn, không phương thế làm ăn, ban sơ cất ở gần nhà đức linh mục, vùng Chợ Cũ, về sau Nhà Dòng và Chánh phủ Pháp thỏa thuận giao cho các bà sơ Dòng Saint-Paul đảm nhiệm nên đem trụ sở về Chợ Quán.

Chủng viện (Séminaire)

Trước lập tại Thị Nghè, rồi dời về Xóm Chiếu sau rút về đường Cường Để như nay ta thấy ở giữa Thánh Nhi viện (Sainte-Enfance) và con đường Nguyễn Du.

Nhà tu Carmel.

Ngày 3 tháng mười năm 1861, có bốn bà nữ tu sĩ dòng Saint-Thérèse, đến Sài Gòn, nhiệm vụ là lập nhà tu Carmel. Trụ sở ở đường Cường Để, ngang Chủng viện.

Các vị Sư huynh trường Công giáo

(les Frères des Ecoles chrétiennes)

Nhơn lời yêu cầu khẩn thiết của Đô đốc De Lagrandière, nên năm 1866 có sáu vị sư huynh sang Sài Gòn do đại sư huynh T.H.Frère Philippe Supérieur des Frères des Ecoles Chrétiennes biệt phái. Qua đến đây thì cách ít lâu sau, Nhà Dòng giao cho các vị ấy trông nom trường trung học Collège d'Adran và trường do Đức Cha Puginier thiết lập từ hai năm trước (1864). Trường này hoạt động cho đến tháng Chạp năm 1882, thì đóng cửa, vì Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ đề nghị ngưng cấp học bổng.

Trường Taberd.

Năm 1874, Cha Henri de Kerlan, cha sở coi thánh đường Sài Gòn, tự xuất tiền riêng, sáng lập trường Taberd (vì thế nên nay còn hình bán thân của Cha tại sân trước), đầu tiên là để dạy dỗ các Tây lai, sau này mới đổi chánh sách, thu nạp tất cả học sinh, bất luận lương, giáo. Ban đầu các học trò nơi đây do các tu sĩ, truyền giáo sư (missionnaire) dạy dỗ. Từ năm 1889 thì các sư huynh thay thế các vị này trong đường giáo huấn, và các sư huynh trường Công giáo (les Frères des Ecoles Chrétiennes) buổi đầu tiên là do Đức Cha Colombert mời qua. Những dãy nhà cũ của trường là do Đức cha Mossard đứng coi xây cất, lớp sau mới là của các sư huynh tiếp tục tu tạo thêm mới được đồ sộ như ngày nay. Trường vốn là sản nghiệp riêng của Hội Truyền giáo (Mission). Cũng như trường Trung học Chasseloup-Laubat, trường Taberd rất có công trong việc đào tạo hơn tài trong xứ trong nhiều thế hệ liên tiếp. Thanh danh rất lớn. Được nhiều cảm tình.

Dưỡng đường quân binh
(*Hôpital Militaire*)

Năm 1864, nhà thương này thuộc các bà sơ Dòng Saint Paul coi sóc. Qua năm 1904, chế độ này cáo chung và từ ấy các nữ y tá ngoại đạo trông nom. Tuy vậy Chánh phủ Pháp vẫn tiếp tục trợ cấp một siêu độ sư (aumônier) đến để thăm viếng vấn an bệnh nhân cùng làm phép bí tích nếu cần.

Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn
(*Basilique de Saigon*)

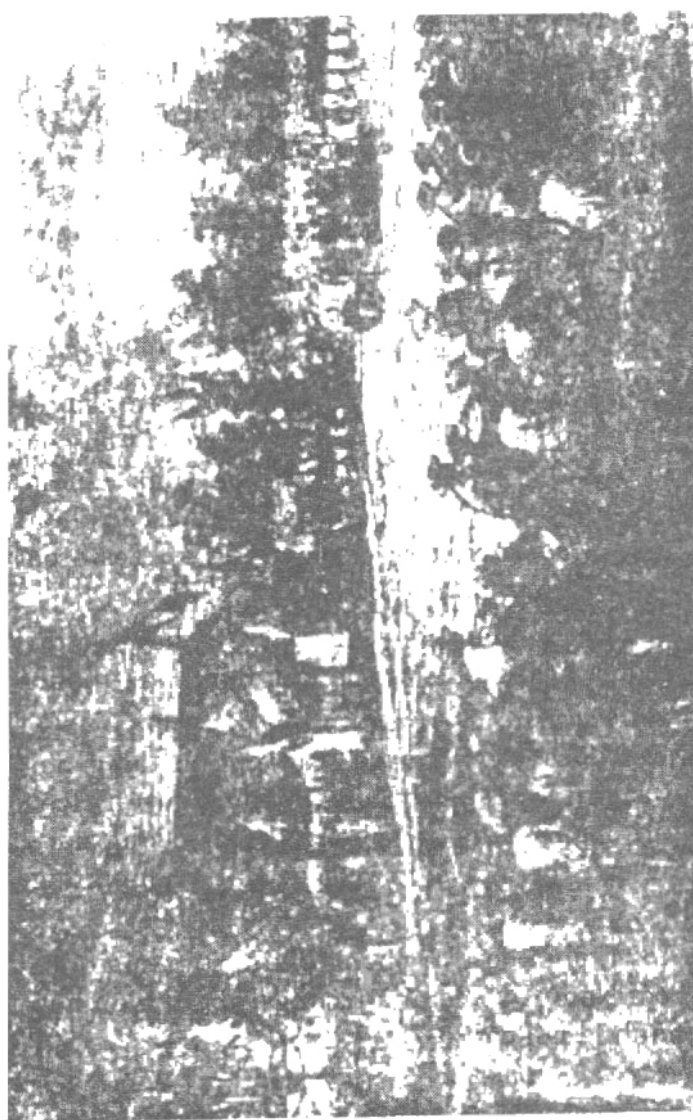
Báo *Cách Mạng Quốc Gia*, số 406 xuất bản ngày 6 và 7 tháng chạp năm 1959, có bài khảo cứu rất đầy đủ về lịch sử nhà thờ Đức Bà do ông Phạm Đình Khiêm viết. Đây là tài liệu khác do bộ “*Đông Dương Tân thời*” (*L’Indochine Moderne*) của hai tác giả Pháp Testeron và Percheron viết từ năm 1931 (trương 237).

“Từ ngày Pháp chiếm Sài Gòn, Đức Cha hành lễ tại một ngôi chùa hoang phế và sửa tạm dùng làm thánh đường.

Năm 1863, Đô đốc Bonard truyền lệnh dựng nơi ngày nay là trụ sở Tòa Tạm tụng đường Nguyễn Huệ, một thánh đường bằng gỗ, nhưng thánh đường này, mười năm sau thì mối một ăn mục nát không dùng được nữa.

Năm 1874, phải dọn về phòng khánh tiết của dinh cũ Phó Soái Nam Kỳ, chỗ nhà trường Taberd hiện nay và tạm hành lễ nơi đây.

Hình XVII



Quang cảnh Nhà thờ lớn Sài Gòn ngày đặt viên đá đầu tiên (7.10.1877)

Đô đốc Duperré truyền đem việc xây cất thánh đường ra đấu thầu, và sau rốt, thì công việc tạo tác do ông Bourard được mời từ Paris qua đôn đốc.

Ngày 7 tháng 10 năm 1877, Đức Cha Colombert đặt viên đá đầu tiên trước mặt Phở Soái Nam Kỳ và đông đủ nhơn vật tại mặt thời ấy.

Ngày 11 tháng 4 năm 1880, ăn lễ lạc thành rất lớn.

Tiền xây cất, tiền sắm từ khí nội tâm, Soái phủ Nam Kỳ đài thọ tất cả, là Hai triệu năm trăm ngàn (2.500.000) quan tiền Tây thuở đó.

Thánh đường đo được 133 thước Tây từ cửa gần (proche) đến mút chót phòng đọc kinh (chevet).

Hoành lang (transept) đo 35 thước bề ngang.

Cao: từ đá xây cuốn tróc khung (clef de voute) đựng đất cái là 21 thước.

Hai tháp cao từ mặt đất là 36 thước 60. Sau thêm hai cánh chóp nhọn lầu chuông 21 thước nữa là tất cả cao 57 thước (tháp chuông làm năm 1895). Sáu đại đồng chung, nặng 25.850 kí, (tiếng gồm sáu âm) đặt dưới hai lầu chuông.

Lễ nghi xức dầu đền thánh đặt làm “Vương Cung Thánh Đường” (Basilique) được cử hành long trọng ngày 7 và 8 tháng Chạp năm 1959. Và Sài Gòn hãnh diện có một Vương Cung Thánh Đường từ đây, một vinh quang của Viễn Đông.

Sau đây là danh tánh các linh mục Giáo hoàng đại

lý, giáo khu giám mục Miền Tây Nam Kỳ từ năm 1852 đến năm 1926:

Dominique Lefèbvre... 1852 - 1865

Jean-Claude Miche... 1865 - 1873

Isidore Colombert... 1873 - 1894

Jean-Marie Dépierre... 1895 - 1898

Lucien Mossard... 1898 - 1920

Victor-Charles Quinton... 1920 - 1924

Isidore Dumortier... từ năm 1926...

Và những vị cố đạo (missionnaires apostoliques):

Oscar de Noloberne... 1863 - 1871

Henri de Kerlan... 1872 - 1877

Henri Le Mée... 1877 - 1897

Anselme Delignon (vicaire)... 1897 - 1898

Lucien Mossard... 1898 - 1899

Henri Moulins... 1899 - 1900

Charles Boutier... 1900 - 1906

Eugène Soulard, từ năm 1906.

Và vân vân... (theo tài liệu bộ *L'Indochine Modernes* của Teston và Percheron, ngưng năm 1926, thiếu tài liệu từ năm ấy đến hiện nay).

Đình thờ thần

Các đình thờ thần xưa của đất Sài Gòn nay đã mất đi rất nhiều, nay chỉ còn nhắc tên và biết được vài đình mà thôi.

Tại Sài Gòn:	Mỹ Hội,
	Hòa Mỹ.
	Tân Khai,
	Long Điền,
	Trường Hòa,
	Long Hưng,
	Phú Hòa (còn),
	Phú Thạnh (còn).
	Nam Chơn (còn),
	Tân An (còn),
	Chợ Quán (còn),
	Cầu Kho (còn),
	Cầu Quan (còn).
Trong Chợ Lớn:	Phú Định (bỏ rồi),
	Phú Hòa (bỏ rồi),
	Phú Lâm (còn),
	Cây Gõ (đẹp, cất trường Cây Gõ sau đổi tên là trường Minh Phú...)

Phú Hữu (còn),
Minh Phụng (còn),
Bình Tiên (còn),
Bình Tây (còn),
Tân Hòa Đông (còn),
An Bình
Cầu Tre (còn)...